



TẠP CHÍ KHOA HỌC

ISSN 1859-4816

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH



ISO 9001 : 2008

Số 19
Tháng 9/2015



ISO 9001:2008

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
www.tvu.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS.TS. Phạm Tiết Khánh

Tổng biên tập

TS. Nguyễn Tiến Dũng

Ban biên tập

ThS. Nguyễn Thị Mai Kha
ThS. Lâm Quang Vinh
ThS. Phạm Thị Tố Thy
ThS. Nguyễn Đăng Hai
CN. Phan Hoàng Minh

Hội đồng biên tập

GS.TS. Hoàng Khải Lập
GS.TS. Lê Sĩ Thiệp
GS.TS. Nguyễn Chí Bến
PGS.TS. Phùng Rân
PGS.TS. Lê Văn Sơn
PGS.TS. Phạm Văn Kim
TS. Đặng Huỳnh Mai
TS. Nguyễn Thanh Mỹ
TS. Francois Malherbe
TS. Lê Hữu Phúc
TS. Nguyễn Khắc Cường
TS. Huỳnh Văn Hồng
TS. Trần Thị Phận
TS. Phạm Ngọc Đỉnh
TS. Nguyễn Thị Phương Nam
TS. Phạm Kim Long
TS. Nguyễn Minh Hòa

Thiết kế

Ks. Trần Ngọc Chiến

Tòa soạn: Tạp chí Khoa học
126, Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4,
Phường 5, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Email: banbientapckh@tvu.edu.vn
Điện thoại: 0743 855 246 (187)

In 1.000 cuốn, khổ 19x28 cm, tại Công ty
Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Trà Vinh.
Giấy phép xuất bản số 166/GP-BTTTT
do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp
ngày 15/02/2011. In xong và nộp lưu chiểu

MỤC LỤC

Số 19, tháng 9 năm 2015

KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN

Nhìn lại 10 năm thực hiện nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 13/3/2003 về công tác
dân tộc vùng Đồng bằng Sông Cửu Long 1
ThS. Bạch Thanh Sang

Biến đổi văn hóa của các cộng đồng tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ 9
TS. Trần Hạnh Minh Phương

Xây dựng nông thôn mới gắn với thực trạng văn hóa – xã hội của người Khmer
ở tỉnh Trà Vinh 19
ThS. Phùng Thị Phương Khánh

Lễ hội cúng biển ở Trà Vinh (Nghiên cứu trường hợp cúng biển Mỹ Long
(Thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang) và cúng biển Động Cao (xã Đông Hải,
huyện Duyên Hải) 2
Lâm Thị Thu Hiền

Tim hiệu y phục tu sĩ của Phật giáo Nam Tông Khmer và Bắc Tông ở Trà Vinh
Lâm So Rone

Từ lấy trong truyện ngắn Nhóm Việt
ThS. Bùi Thanh Thảo

KHOA HỌC TỰ NHIÊN & CÔNG NGHỆ

Ảnh hưởng của thành phần cơ chất đến sự sinh trưởng và năng suất của hai giống
nấm linh chi đỏ (*ganoderma lucidum*) trồng tại Trà Vinh
ThS. Nguyễn Ngọc Trại

Khảo sát thời gian bảo quản sản phẩm mứt đông quách
ThS. Nguyễn Kim Phụng

Nghiên cứu thành phần bệnh hại chính trên cây cao su (*hevea brasiliensis*) ở th
kỹ khai thác lấy mủ tại tỉnh Quảng Bình
ThS. Bùi Thục Anh

TIN KHOA HỌC

Hội thảo Khoa học Quốc tế Việt Nam-Hungary lần thứ ch... Nghiên cứu Nơ
nghiệp cho sự phát triển bền vững”
Diễm Thủy

TỪ LÁY TRONG TRUYỆN NGẮN NHÓM VIỆT REDUPLICATIVE WORDS IN VIET'S GROUP SHORT STORIES

Bùi Thanh Thảo¹

Tóm tắt

Nhóm Việt là một trong những bút nhóm văn chương nổi bật nhất trong dòng văn học yêu nước ở thành thị miền Nam 1965 - 1975. Ở mảng truyện ngắn, nhóm Việt gồm những cây bút tiêu biểu: Trần Hữu Lục, Trần Hồng Quang, Trần Duy Phiên, Huỳnh Ngọc Sơn, Tiêu Dao Bảo Cự, Võ Trường Chinh. Họ đều là những cây bút trẻ, tài năng. Tác phẩm của họ không chỉ là phương tiện tranh đấu mà còn là văn chương thực sự. Trong đó, việc sử dụng từ láy là một đóng góp nổi bật. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu 36 truyện ngắn của nhóm Việt để tìm hiểu vấn đề trên.

Từ khóa: từ láy, nhóm Việt, dòng văn học yêu nước ở thành thị miền Nam.

Abstract

Viet was one of the most famous literary groups of the patriotic literature in the Southern urban area 1965 - 1975. In the area of short stories, this group highlighted typical, young and talented writers: Trần Hữu Lục, Trần Hồng Quang, Trần Duy Phiên, Huỳnh Ngọc Sơn, Tiêu Dao Bảo Cự, Võ Trường Chinh with their patriotic and true masterpieces. The use of reduplicative words is part of their remarkable contribution. This article is to study 36 short patriotic stories of these writers in order to get the understanding of the above mentioned issue.

Keywords: Reduplicative words, Viet's group, the patriotic literature at the Southern Urban area.

1. Dẫn nhập

Quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam được nghiên cứu từ lâu và trên nhiều phương diện. Trong đó, nhiều nhà nghiên cứu đặc biệt chú ý đến văn học quốc ngữ Nam Bộ - thành tựu rất đáng ghi nhận của mảnh đất phương Nam. Tuy nhiên, văn học quốc ngữ được ghi nhận như là sự khởi đầu, còn thành tựu quan trọng nhất của sự hiện đại hoá hẳn nhiên thuộc về văn học 1930 - 1945, nhất là các nhà Thơ Mới và các nhà văn Tự lực văn đoàn. Giai đoạn 1945 - 1975, do hoàn cảnh lịch sử, văn học phải tập trung làm nhiệm vụ lớn nhất là góp phần đấu tranh chống ngoại xâm, thống nhất Tổ quốc, vì thế người ta cũng thường chú ý nhiều tới nội dung mà có phần xuê xoa khi nói về hình thức. Điều này không phải không có lý. Mãi đến khi bắt đầu thời kỳ Đổi mới, những dấu hiệu cách tân văn học mới lại có điều kiện thể hiện rõ ràng. Nhưng nói như thế không có nghĩa là giai đoạn 1945 - 1975 về mặt nghệ thuật chỉ là một khoảng trống, một đoạn đứt gãy quá trình hiện đại hoá. Văn học yêu nước ở thành thị miền Nam 1954 - 1975 nói chung, truyện ngắn nói riêng, đã có đóng góp đáng kể không chỉ vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn vào diện mạo chung của văn học nước nhà. Công bằng mà nói, các cây bút yêu nước ở thành thị miền Nam trước 1975 đã có những điều kiện rất thuận lợi cho việc tạo ra những tác phẩm văn học hiện đại về cả tư tưởng lẫn nghệ thuật thể hiện. Nhất là những tác giả trưởng thành từ thập niên 60, họ được đào tạo khá bài bản, có điều kiện

nhìn ra thế giới ở phương diện văn chương, kế thừa thành quả của người đi trước, lại có điều kiện tham gia vào thị trường báo chí - xuất bản sôi động của các đô thị lớn, nhất là Sài Gòn. Tất cả những yếu tố đó cộng với một điều kiện quan trọng, tiên quyết: lòng yêu nước, tinh thần cách mạng sục sôi, đã hình thành nên một lớp người cầm bút rất đặc biệt ở miền Nam lúc bấy giờ, những người dùng ngòi bút đấu tranh cho đất nước nhưng đồng thời cũng dùng ngòi bút góp phần kiến tạo nên diện mạo hiện đại cho văn học đương thời.

Khi nói về các cây bút yêu nước ở thành thị miền Nam trước 1975, không thể không kể đến một hiện tượng đặc biệt: nhóm Việt. Hình thành từ bước đi ban đầu là Hội Hồng Sơn ở Đại học Sư phạm Huế năm 1965, nhóm Việt đã nhanh chóng trưởng thành và mở rộng, riêng về truyện ngắn có thể kể đến những cây bút như Võ Trường Chinh, Tiêu Dao Bảo Cự, Trần Hữu Lục, Trần Duy Phiên, Trần Hồng Quang, Huỳnh Ngọc Sơn... Văn chương nhóm Việt là tiếng nói của những trí thức yêu nước, những thanh niên tràn đầy nhiệt huyết và lý tưởng. Được sự dẫn dắt của Đảng, họ thực sự đi đúng hướng trong việc dùng văn chương làm vũ khí đấu tranh với kẻ thù, để thức tỉnh đồng bào, để bày tỏ ý thức và kêu gọi hành động của lực lượng tiến bộ trong xã hội miền Nam lúc bấy giờ. Bên cạnh đó, chúng tôi chọn nhóm Việt còn do nhận thấy ngoài nội dung tiến bộ, đây là nhóm văn chương rất chú ý đến hình thức nghệ thuật. Họ có lối viết khá hiện đại, đặc biệt là ngôn từ vừa gần

¹ Thạc sĩ, Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn - Trường Đại học Cần Thơ

gửi vừa trau chuốt, thể hiện được nội dung tranh đấu phù hợp với quần chúng nhưng vẫn tạo được sự thú vị khi thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật. Mỗi cây bút có một nét riêng, nhưng đồng thời ở họ lại có một số điểm tương đồng, chứng tỏ sự trưởng thành, hiện đại trong cách viết. Nghệ thuật sử dụng từ láy là một trong những điểm tương đồng tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm của nhóm Việt.

2. Giới thuyết về từ láy

Về khái niệm từ láy, *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên) định nghĩa đơn giản là "từ song tiết trong đó một âm tiết có hình thức là láy âm của âm tiết kia"². Tuy nhiên, sự phân loại từ láy lại không thật đơn giản. Thông thường, người ta chia thành láy bộ phận và láy hoàn toàn, nhưng theo Trương Thị Nhân (trong bài viết "Bàn thêm về vấn đề nhận diện từ láy tiếng Việt") trong trường hợp láy hoàn toàn cần loại trừ những trường hợp là từ đơn đa âm (như *chích choè, ba ba, thuồng luồng...*) và những trường hợp là từ ghép hợp nghĩa mà một bộ phận trong đó đã bị mờ nghĩa (*chim chóc, hời han, chùa chiền...*)... Do còn nhiều vấn đề liên quan đến việc phân định từ loại ở một số trường hợp nên trong bài viết này chúng tôi vận dụng kết hợp: vẫn chọn cách phân chia từ láy thành các loại như đã thấy trong *Từ điển từ láy* (Hoàng Văn Hành chủ biên), mặt khác loại khỏi đối tượng khảo sát những từ là từ đơn đa âm và từ ghép hợp nghĩa có một bộ phận bị mờ nghĩa (dù những từ này vẫn xuất hiện trong *Từ điển từ láy*).

3. Số lượng từ láy trong 36 truyện ngắn của nhóm Việt

Với giới hạn như vừa trình bày ở trên, chúng tôi khảo sát 36 truyện ngắn (sáng tác trong khoảng thời gian 1965 - 1975) của nhóm Việt để nghiên cứu nghệ thuật sử dụng từ láy. Với 470 trang sách in, chúng tôi tìm được 4495 lượt từ láy với 1505 từ láy khác nhau, bình quân mỗi trang có 9.6 lượt từ (chỉ có 4/470 trang không có từ láy) và mỗi tác phẩm có 125 lượt từ láy. Đây là một con số rất đáng chú ý. Trong công trình *Từ láy trong truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng* (Luận văn Thạc sĩ, Đại học Cần Thơ), tác giả Nguyễn Thị Hạnh đã khảo sát 35 truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng (gần bằng số tác phẩm chúng tôi khảo sát của nhóm Việt) và thu được kết quả: có 1495 lượt từ láy với 717 từ khác nhau, chỉ bằng 1/3 số từ láy của nhóm Việt. Trong bài viết "Các lớp từ vựng giàu sắc thái tu từ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư", tác giả Nguyễn Thị Mẫn Vỹ đã khảo sát tập truyện *Cánh đồng bất tận* và thống kê được trong 211 trang sách có 1634

lượt từ láy, bình quân mỗi trang có 7.7 lượt từ, chỉ bằng khoảng 2/3 của nhóm Việt. Qua khảo sát sơ bộ nói trên có thể thấy số lượng từ láy trong truyện ngắn nhóm Việt vượt trội hơn hẳn. Điều đó cho phép chúng ta nghĩ rằng, đây hoàn toàn không phải sự ngẫu nhiên trong việc dùng từ mà là lựa chọn có ý thức của các tác giả.

4. Về sự phân loại từ láy trong truyện ngắn nhóm Việt

Trước hết là sự phân chia từ láy tượng thanh và tượng hình trong truyện ngắn nhóm Việt. Từ láy tượng hình và từ láy tượng thanh: có 1016 lượt, chiếm 24%, trong đó từ láy tượng hình chiếm khoảng 60%. Láy tượng hình và tượng thanh có giá trị biểu đạt cao, vì thế được các tác giả sử dụng khá nhiều, và đặc biệt là sử dụng chủ yếu để miêu tả sắc thái chứ không phải hành động (chỉ có hơn 10% trong số từ láy tượng hình và tượng thanh được sử dụng là động từ). Quan sát từng tác giả, chúng tôi nhận thấy người dùng nhiều từ láy tượng hình - tượng thanh nhất và dùng khá đồng đều ở các tác phẩm là Võ Trường Chinh, kế đến là Huỳnh Ngọc Sơn. Trần Hữu Lục và Trần Duy Phiên dùng khá nhiều ở một vài tác phẩm (như *Người tình lạ mặt, Tư Giò*) nhưng ở các tác phẩm khác thì lại chỉ dùng rải rác chứ không tập trung. Trần Hồng Quang dùng không nhiều và cũng không đều, riêng Trường Sơn Ca dùng rất ít, có lẽ vì tác giả này thường tập trung miêu tả hành động, sự kiện là chính nên không lưu tâm nhiều đến sắc thái tu từ.

Về giá trị biểu hiện của từ láy tượng thanh - tượng hình: việc sử dụng khéo léo lớp từ này đã làm cho lời văn trở nên hết sức sinh động, chẳng hạn đoạn văn sau trong *Về miệt rừng tràm* của Võ Trường Chinh: "Đại bác vẫn rền rền hàng đêm trong tiếng loa bền bỉ vang vang bên kia bờ. Chiếc đôn canh thín thít nhiều đêm lắng nghe những bước chân người rầm rập kéo qua giữa một vùng trời nước mênh mông. Có người, sau đó kể lại làng xóm nghe là đã thấy ông Tôn cao lêu nghêu, đầu tóc bạc phơ cùng đi giữa một đoàn trai tráng, ở miệt rừng tràm"³. Chỉ một đoạn văn chưa đầy 5 dòng mà đã có 7 từ láy, trong đó có 6 từ (gạch dưới và in đậm) là từ tượng thanh - tượng hình. Chính những từ này đã làm cho đoạn văn cuối cùng này của tác phẩm trở nên hết sức sinh động, tạo ấn tượng mạnh mẽ trong lòng người đọc về một không khí sôi nổi, hào hùng, về hình ảnh hiên ngang của người chiến sĩ nông dân.

Hoặc đoạn văn sau trong *Giấc mơ êm đềm* (Huỳnh Ngọc Sơn): "Mà hình như lũ dơi, đám

² *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên), tr.1053

³ *Tuyển tập truyện ngắn Việt*, NXB Trẻ, TP.HCM, 1997, tr.300

lá xanh và gió đang rì rào, ca hát líu lo nửa đó! Không, đâu phải tiếng gió thì thầm của lá trong ngọn gió lùa. Bà nghe lảng vảng một âm thanh lạ tai (...). Chân nhường, đầu ngáng, mái tóc bạc phơ cợ sột soạt mấy cành dừa loà xoà. Tiếng trống? La quá! Thành thịch, nhịp nhàng, dồn dập từng hồi...". Sự kết hợp hàng loạt từ tượng thanh và tượng hình làm cho đoạn văn trở nên sống động hẳn lên, thiên nhiên cũng vui tươi hơn, phù hợp với tâm trạng hồi hộp của người mẹ già khi nghe vắng từ xa tiếng trống hát bội rộn ràng quen thuộc.

Thứ hai là phân loại từ láy trong truyện ngắn nhóm Việt theo từ loại. Theo đó, từ láy là danh từ chiếm số lượng ít nhất: 57 lượt (chỉ khoảng 1,2%), động từ: 1083 lượt (24,1%), tính từ - phụ từ: 3355 lượt (74,7%) (trong đó đại đa số là tính từ). Qua đó có thể thấy, nhóm Việt chú trọng việc dùng từ láy để khắc họa tính chất, sắc thái của đối tượng hơn là nhấn mạnh hành động. Đối với văn học yêu nước nói chung, điều này nghe có vẻ hơi lạ, bởi dòng văn học này thường tập trung khắc họa nhân vật thông qua hành động hơn là biểu hiện sắc thái. Tuy nhiên, đây lại là văn học yêu nước tồn tại công khai ở đô thị, vì thế tính chất có phần khác với văn học cách mạng. Hành động cách mạng ở đây bị xếp xuống hàng thứ yếu (để tránh sự kiểm duyệt gắt gao của chính quyền Sài Gòn), trong khi đó tâm tư tình cảm, nhận thức, ý thức của nhân vật được đưa lên hàng đầu (đấu tranh trên mặt trận văn chương ở đô thị tập trung vào phương diện này). Vì lẽ đó nhóm từ láy là động từ xuất hiện ít hơn hẳn so với tính từ cũng là điều hợp lý.

Thứ ba là phân loại từ láy trong truyện ngắn nhóm Việt từ phương diện cấu tạo (gồm từ láy hoàn toàn và từ láy bộ phận). Theo đó, từ láy hoàn toàn gồm có ba dạng: giống hoàn toàn về âm đầu, vần và thanh điệu; giống âm đầu và vần nhưng khác thanh điệu; khác âm cuối theo quy tắc biến âm của các cặp p-m, t-n, k-ng và nh-ch. Từ láy bộ phận gồm hai dạng là láy âm đầu và láy vần. Dựa vào căn cứ này, chúng tôi thu được kết quả phân loại từ láy trong 36 truyện ngắn của nhóm Việt như sau:

LOẠI	SỐ TỪ / TỈ LỆ	SỐ LƯỢT / TỈ LỆ
Láy hoàn toàn	268 / 17.8%	633 / 14.1%
Giống âm đầu, vần và thanh điệu	116	295
Giống âm đầu, vần, khác thanh điệu	78	164
Khác âm cuối	74	174
Láy bộ phận	1237 / 82.2%	3862 / 85.9%
Láy âm đầu	933	2888
Láy vần	304	974
TỔNG CỘNG	1505	4495

Như vậy, có thể thấy cả về số từ và số lượt, từ láy hoàn toàn chiếm khoảng 14 - 17% và từ láy bộ phận chiếm khoảng 83 - 86%. Trong từ láy hoàn toàn, từ láy hoàn toàn ở dạng giống nhau cả âm đầu, vần và thanh điệu chiếm số lượng nhiều nhất. Trong từ láy bộ phận, láy âm đầu chiếm số lượng nhiều nhất, gấp 3 lần láy vần. Kết quả này tương đối phù hợp với thực tế từ láy tiếng Việt, bởi số lượng từ láy bộ phận bao giờ cũng chiếm tỉ lệ rất lớn so với từ láy hoàn toàn.

Thứ tư là phân loại dựa theo số tiếng: chúng tôi thống kê được trong từ láy nhóm Việt sử dụng, láy đôi có 1494 từ (chiếm 99.3% số từ) với 4479 lượt (chiếm 99.6% số lượt), láy tư có 11 từ (chiếm 0.7% số từ) với 16 lượt (chiếm 0.4% số lượt), và không có từ láy ba. Có thể thấy số lượng từ láy tư quá ít so với từ láy đôi. Điều này phù hợp với thực tế từ láy tiếng Việt, ở một mức độ nhất định cũng chứng tỏ khả năng vận dụng linh hoạt và sự tìm tòi sáng tạo của các tác giả. Trong số này, có những từ láy tư khá quen thuộc như *bù lu bù loa, hót hơ hót hải, ngật ngà ngật ngưỡng, trùng trùng điệp điệp, tìm lum tà la*. Bên cạnh đó, còn có những từ không thường xuất hiện, thậm chí không tìm thấy trong *Từ điển từ láy* như *diên diên tàng tàng, lòn vòn lòn vòn, khật khà khật khùng...* Những từ này dù ít nhưng cũng góp phần làm mới và phong phú vốn từ, đồng thời đem lại sự hứng thú cho người đọc.

5. Về giá trị biểu đạt của từ láy trong truyện ngắn nhóm Việt

Có ba nhóm nội dung chính mà từ láy tập trung khắc họa: nhân vật, thiên nhiên và đời sống. Nhóm nội dung thứ nhất thu hút nhiều từ láy nhất, chiếm đến khoảng 70% số lượt từ. Nhóm nội dung thứ hai chiếm khoảng 11% và nhóm thứ ba chiếm khoảng 22%.

Từ láy miêu tả nhân vật tập trung vào các khía cạnh chính: hành động, tính cách, ngoại hình và nội tâm nhân vật. Trong đó, từ láy liên quan đến hành động của nhân vật là nhiều nhất, đến 1707 lượt từ. Tuy nhiên, điều này không mâu thuẫn với nhận định về từ loại ở trên (tính từ nhiều hơn động từ) vì không phải tất cả từ láy liên quan đến hành động của nhân vật đều là động từ. Một bộ phận khá lớn trong số đó là tính từ, phụ từ có tác dụng hỗ trợ cho động từ. Chính điều này tạo nên nét độc đáo cho tác phẩm, bởi những từ láy hỗ trợ này làm cho hành động được miêu tả sinh động hơn, giàu sắc thái biểu cảm hơn. Trường Sơn Ca đã tận dụng ưu thế biểu cảm của từ láy để khiến người đọc cảm động trước phản ứng tội nghiệp của người nông dân nghèo bị bắt oan và bị tra tấn dã man (trong *Tự do hay là chết*): "*Bác thét lên be be như heo bị*

⁴ *Viết trên đường tranh đấu*, NXB Thuận Hóa, 2005, tr 311

chợ tiết, cả người oằn oại dữ dội làm cái ghế bác ngồi lắc lư lão đảo"⁵. Chỉ một câu văn ngắn mà có đến 5 từ lấy đôi, đặc tả sự đau đớn kinh hoàng của bác T. Chính những từ lấy này khiến nội dung miêu tả trở nên ám ảnh hơn.

Trong bộ phận từ lấy miêu tả nhân vật, chiếm số lượng ít nhất là nhóm từ miêu tả tính cách, chỉ có 120 lượt từ với 76 từ khác nhau. Con số này phù hợp với khuynh hướng xây dựng nhân vật của nhóm Việt, họ quan tâm đến "hoàn cảnh", "tình cảnh" nhiều hơn "tính cách", vì thế từ lấy thể hiện tính cách cũng hạn chế về số lượng. Tuy nhiên, mỗi khi được sử dụng, chúng đều phác họa một cách sinh động tính cách nhân vật: "*Bảy Chát sống ngất ngơ và hơi khật khùng*", "*cung cách của con người đồng ruộng mộc mạc*" (*Bảy Chát* – Võ Trường Chinh)⁶.

Điều làm chúng tôi chú ý nhất trong nội dung miêu tả nhân vật chính là nhóm từ lấy tả ngoại hình và tả nội tâm nhân vật. Nhóm từ tả ngoại hình không nhiều, chỉ 320 lượt từ, nhưng trong đó có đến 196 từ khác nhau, nghĩa là tần suất lặp lại của một từ khi tả ngoại hình là rất thấp (1.6 lần). Điều này chứng tỏ vốn từ phong phú và sự sáng tạo của các tác giả khi xây dựng nhân vật. Đây là hình dạng thằng Đém, nhân vật chính trong *Thằng Thuộc Lá* của Huỳnh Ngọc Sơn: "*Thằng Đém khoác chiếc áo rằn ri dài lưng thụng, hai ống quần xoè to bệ bết đất thắt thêu bước trên đường phố đông người. Tóc dài che khuất cả cằm cổ gầy, phủ xuống lê thê trên da mặt xanh xao*". Còn cô gái trẻ đi trên phố, cũng trong tác phẩm trên, thì "*mặc một cái váy ngắn cũn cỡn. Hai cánh tay trắng nõn, mát mẽ và cặp đùi nung núc, da thịt rung rinh theo mỗi bước chân*"⁷. Với 10 từ lấy, chủ yếu là từ lấy tượng hình, trong chưa đầy 5 dòng, người đọc không mấy khó khăn khi hình dung ra diện mạo trái ngược của hai nhân vật. Và thật ra, đó không chỉ là diện mạo của riêng thằng Đém hay một cô gái tình cờ đi trên phố mà có thể xem là diện mạo chung của rất nhiều thanh niên đô thị lúc bấy giờ, những cô gái ăn diện, sống gấp và những cậu trai tàn tạ khi mặt vận.

Bên cạnh một Huỳnh Ngọc Sơn hết sức tinh táo, lạnh lùng khi phác họa chân dung nhân vật, chúng ta bắt gặp một Trần Hữu Lục ít nhiều lãng mạn: "*Nụ cười rực rỡ, con mắt đắm thắm mời gọi, giọng nói ngọt mềm. Hôi là giọt mưa xuân thánh thót một đời người. Hôi là vùng sương khói của*

⁵ *Viết trên đường tranh đấu*, Tlđđ, tr.89

⁶ Như lại một chặng đường văn học, NXB TP.HCM, 2000, tr.184

⁷ *Viết trên đường tranh đấu*, Tlđđ, tr.307

⁸ *Viết trên đường tranh đấu*, Tlđđ, tr.308

tuổi thơ, là mây óng ả của ngày thu..." (Người tình lạ mặt)⁸. Và một Trường Sơn Ca với cái nhìn đầy xót xa thương cảm: "*Người tù cời tấm áo đen rách rưới ra (...). Hai cánh tay khăng khieu như hai que củi. Những đường hằn thâm tím chẳng chịt khắp người. Một vài chỗ còn ruộm máu. Một vài nơi khác đã thành ghề ung thối hôi hám*" (*Từ do hay là chết*)⁹. Có thể thấy các cây bút nhóm Việt đã khéo tận dụng giá trị biểu đạt của từ lấy để làm cho ngoại hình nhân vật hiện lên sống động hơn, có khả năng tác động mạnh đến cảm nhận của người đọc.

Trong khi đó, nhóm từ thể hiện nội tâm xuất hiện nhiều hơn gấp đôi ngoại hình, có 760 lượt từ với 243 từ khác nhau, tần suất lặp lại là 3.12 lần/từ. Tần suất lặp lại cao hơn so với ngoại hình (1.6 lần/từ) cho thấy các tác giả đã có nhiều điểm gặp gỡ khi miêu tả tâm trạng nhân vật. Đối chiếu với nội dung tác phẩm chúng tôi thấy nhận xét đó là có căn cứ. 36 truyện ngắn được khảo sát tập trung vào những nét tâm trạng chính: nỗi buồn đau của người nông dân khi làng xóm điêu tàn hoặc bị buộc tản cư, sự khổ tâm bế tắc của thanh niên – trí thức và cả người lính quân đội Sài Gòn trước thực tại, nhận thức và quyết tâm hướng về ánh sáng của một số nhân vật (thuộc nhiều tầng lớp). Chính vì tập trung vào những nét tâm trạng chính như vậy nên các tác giả khó tránh khỏi việc sử dụng từ trùng lặp. Trong khi đó, ngoại hình nhân vật lại không cần quy về một khuôn mẫu nào, cho nên các tác giả đã thể hiện sự sáng tạo, khả năng vận dụng từ ngữ linh hoạt của mình ở phương diện này.

Bên cạnh tần suất lặp lại, có lẽ cần nói thêm một chút về từ lấy tả tâm trạng nhân vật. Trong 760 lượt từ lấy thuộc nhóm này, chúng tôi thống kê được 152 lượt từ mang sắc thái trung tính và dương tính, như vậy có đến 608 lượt từ mang sắc thái âm tính, một tỉ lệ rất đáng chú ý. Với 608 lượt từ này, các tác giả đã đem lại cho người đọc hình dung rất cụ thể về tâm trạng buồn bã, đau đớn, bế tắc, tuyệt vọng, dằn vặt của các nhân vật: *áo nâu, bàng hoàng, bức bối, chán chường, chơi vơi, đau đớn, ê chề, hãi hùng, héo hon, hụt hẫng, khôn khổ, lạc lõng, náo nùng, ngao ngán, nơm nớp, phập phồng*... Chẳng hạn, trong truyện ngắn *Bán máu*, Võ Trường Chinh đã miêu tả trạng thái của bác phu xích lô già khi đi bán máu để tìm cái ăn cho cả nhà: "*Một tiếng tách bật lên khô khan, chai máu rề rề quay tròn. Bác Tám liếc nhìn những đọt máu đỏ tươi nhập nhằng nháy nhót, muốn ỏi mưa. (...) Những con nhúc nhối kỳ dị cứ lớn dần*

⁹ *Tuyển tập truyện ngắn Việt*, Tlđđ, tr.21

¹⁰ *Viết trên đường tranh đấu*, Tlđđ, tr.99

trong óc rồi nó tung, điên cuồng từ mắt mũi bác lao ra vun vút. Trong một giây ngắn quá sức, bác Tim thấy mình mấy tay chân xương da rời ra từng miếng quân queo, thoát bay lên cao rồi từ từ rập lại, thân thể nhẹ tênh như một phiến khói rơi dần xuống miệng hồ nhoè nhoẹt màu sắc loạn cuồng, giống như có tiếng súng nổ âm âm vang động. Bác hình như có tiếng súng nổ âm âm vang động. Bác hình như nhìn trũng trũng nửa chai máu mùa may, có tiếng nghe tiếng súng nổ cheo cheo qua đầu"¹¹.
Đoạn văn trên chỉ có 8 dòng nhưng có đến 14 từ lấy, tập trung vào tâm trạng, cảm giác của người phụ xe tội nghiệp khi phải bán đi những giọt máu cuối cùng của mình, bất chấp nguy hiểm, vì sự sống còn của vợ con. Với những đoạn văn như vậy, người đọc thấy thấm thía cảm giác của những con người nhỏ bé phải vật lộn một cách tuyệt vọng với cuộc sống khó khăn và sự vô tình hờ hững của kẻ khác. Chính lớp từ lấy đã giúp cho việc thể hiện của các tác giả hiệu quả hơn, ám ảnh hơn, tác động được đến tình cảm của người đọc, giúp người đọc dễ dàng hình dung được tình cảnh, tâm trạng đầy đau đớn của nhân dân miền Nam lúc bấy giờ. Truyện ngắn yêu nước ở đô thị không thiên về hành động anh hùng, vì thế việc xoáy sâu vào thế giới tâm hồn nhân vật để tạo được sự đồng cảm, thấu hiểu, khơi gợi nhận thức của người đọc.

Trong nội dung miêu tả thiên nhiên và đời sống, chúng tôi nhận thấy có điểm tương đồng là tần suất lặp từ ở đây rất thấp, 1.76 đối với thiên nhiên và 1.92 đối với đời sống. Điều đáng ghi nhận là phạm vi hiện thực trong 36 tác phẩm mà chúng tôi khảo sát không quá lớn, vì vậy việc tránh lặp từ nhiều lần chứng tỏ nỗ lực làm phong phú đối tượng miêu tả của các tác giả.

Về nội dung miêu tả thiên nhiên, chúng tôi thống kê được 506 lượt từ lấy, nhưng chỉ có 210 lượt từ mang sắc thái trung tính và dương tính, trong đó chủ yếu là trung tính, còn những từ sắc thái dương tính miêu tả sự tươi đẹp, êm đềm của khung cảnh thiên nhiên chiếm tỉ lệ rất nhỏ (*êm á, êm đềm, dật dàu, hiền hoà, lấp lánh, liu lo, lỏng lẻo, màu mỡ, mịn màng, non nà, óng á,...*). Những hình ảnh êm đềm không nhiều nhưng cũng có lúc xoa dịu được tâm hồn nhân vật (và cả người đọc) "*Gió rì rào xuống thung lũng, đàn ong vù vù bay đi kiếm mật sớm, nước leo reo chảy qua gờ đá hợp thành một điệu trầm êm ả"* (Tư Giò, Trần Duy Phiên)¹². Trong khi đó, có đến 296 lượt từ lấy tả thiên nhiên mang sắc thái âm tính, gợi lên sự cần cù, tiêu điều, hoặc dữ dội (*xơ xác, xanh xao, vàng vọt, vứt vờ, vùn vủ, um tùm, trổng trơn, trơ*

vơ, tong teo, tà tơi, quần quai, rã rời, nhoè nhoẹt, mịt mù, lờ mờ, loang lổ, lờ lói,...): "*Con sông mùa nước lớn dào dạt, cuộn cuộn đưa những âm vang dồn dập khi gần sát bên, khi xa vờ vợi mắt hút đầu tận tít mù rồi lại ào ào ập đến. Tiếng con nước đong đưa như tiếng chày giã gạo vọng lại trong những trưa hè vắng vẻ, tiếng thẳm thì ỉ ôi của lũ ếch nhái ngoài vườn ..."* (Nắng mới trên biển đất bồi, Trần Hồng Quang)¹³.

Ở nội dung miêu tả đời sống, có 466/1087 lượt từ lấy được sử dụng mang sắc thái trung tính và dương tính, và có đến 621 lượt từ lấy mang sắc thái âm tính. Đời sống được miêu tả bằng rất nhiều từ lấy thể hiện sự tàn tạ, khốn khổ, bất ổn (*áo nã, âm u, bấp bênh, bê bết, bơ vơ, bức bối, buồn bã, chật vật, chông chênh, côi cút, dật dờ, dữ dội, ghê gớm, hãi hùng, kham khổ,...*). Nhưng không phải chỉ có những từ lấy mang sắc thái âm tính mới miêu tả cảnh sống khổ sở của người dân, nhiều khi chính những từ lấy mang sắc thái dương tính lại nhằm miêu tả một cảnh đời đầy "âm tính": "*Xóm chi thực sự rộn rã vào khoảng năm giờ chiều khi đám lính đen trắng xí xô xí xào từ trong khu ra-đa kéo tới dãy nhà gần hàng rào tre, cửa sổ có treo màn đỏ và bên trong có tiếng khui la-ve bôm bốp, tiếng cười cợt ngả ngớn, tiếng nhạc rậm rật theo nhau ủa ra từng đợt"* (Bảy Chát, Võ Trường Chinh)¹⁴. Không gian rộn ràng trên lại chính là điều làm lão Bảy đau đốn, bởi nó lột tả sự sa đoạ của xóm tạm cư, sự nhục nhã của những người phụ nữ sau bức màn đỏ và cả sự nhục nhã của người bố như lão, chỉ có cách ngồi nhà chờ con gái đem những đồng tiền từ cái không gian như nhóp đó về nuôi cả nhà. Hàng loạt từ lấy tượng thanh làm cho không gian rộn ràng bao nhiêu thì cũng chính chúng làm cho tâm trạng lão Bảy giằng xé bấy nhiêu.

Như vậy, điểm chung ở hai nhóm từ lấy tả thiên nhiên và đời sống xã hội là tỉ lệ từ mang sắc thái âm tính luôn lớn hơn từ mang sắc thái trung tính và dương tính. Qua đó, người đọc có thể phân nào hình dung được tính chất của hiện thực được miêu tả trong tác phẩm, nhờ số lượng và khả năng gợi tả của từ lấy.

Có một điều chúng tôi cần nói thêm là tần suất lặp từ ở trên được tính chung cho 36 tác phẩm của 6 tác giả. Khi tách riêng từng tác giả, chúng tôi nhận thấy tần suất lặp từ lấy của từng người là rất thấp, nghĩa là mỗi tác giả rất ít lặp lại những từ lấy đã xuất hiện trong tác phẩm của mình. Chẳng hạn trong 8 truyện ngắn của Trần Hữu Lục, có 70 lượt từ lấy tả ngoại hình nhân vật, trong đó có đến 59 từ

¹¹ Thiên tập truyện ngắn Việt Tlđd, tr.328

¹² Thiên tập truyện ngắn Việt Tlđd, tr.151

¹³ *Viết trên đường tranh đấu*, Tlđd, tr.244

¹⁴ *Nhìn lại một chặng đường văn học*, Tlđd, tr.183

khác nhau, nghĩa là chỉ có 11 lượt từ lặp lại. Hoặc trong 7 truyện ngắn của Huỳnh Ngọc Sơn, chúng tôi thống kê được những con số như sau:

Ngoại hình: 78 lượt, 61 từ

Hành động: 293 lượt, 204 từ

Nội tâm, thái độ: 89 lượt, 53 từ

Tính cách: 19 lượt, 13 từ

Thiên nhiên: 80 lượt, 67 từ

Đời sống: 168 lượt, 133 từ

Như vậy, có thể thấy, nỗ lực sử dụng từ ngữ nói chung, từ láy nói riêng, một cách phong phú, đa dạng chính là ưu điểm nổi bật của nhóm Việt. Khi so sánh số lượng từ láy xuất hiện trong tác phẩm, chúng tôi nhận thấy trong số 6 cây bút nhóm Việt được khảo sát, Trần Hữu Lục là tác giả có số lượt từ láy nhiều nhất (1311 từ /8 tác phẩm/106 trang, bình quân 12.36 lượt từ/trang). Các thứ tự còn lại là Võ Trường Chinh (11.18 lượt từ/trang), Huỳnh Ngọc Sơn (10.49 lượt từ/trang), Trần Hồng Quang (8.7 lượt từ/trang), Trần Duy Phiên (6.42 lượt từ/trang) và Trường Sơn Ca (5.25 lượt từ/trang). Điều đáng lưu ý là các tác giả nói trên tuy cùng chọn khuynh hướng văn học yêu nước nhưng mỗi người có lối viết riêng. Trần Hữu Lục thường phác hoạ hiện thực bằng ngòi bút lãng mạn. Võ Trường Chinh cũng luôn xuất phát từ hiện thực nhưng lại chú ý nhiều đến diễn biến tâm trạng nhân vật.

Huỳnh Ngọc Sơn, Tiêu Dao Bảo Cự, Trần Hồng Quang thiên về miêu tả hiện thực khốc liệt với hoàn cảnh khắc nghiệt và những phận người nhỏ bé. Trần Duy Phiên lại khá cân bằng giữa hai chiều hướng, một số tác phẩm thiên về hiện thực khốc liệt nhưng số khác lại tập trung thể hiện nội tâm nhân vật. Về tổng thể, các tác giả thiên về lãng mạn hoặc thiên về nội tâm nhân vật (như Trần Hữu Lục, Võ Trường Chinh) có xu hướng sử dụng từ láy nhiều hơn một chút so với các tác giả thiên về hiện thực xã hội. Sự lựa chọn này cũng phù hợp với tính chất và nội dung biểu đạt của từ láy.

6. Kết luận

Khảo sát 36 truyện ngắn của nhóm Việt, có thể thấy từ láy xuất hiện ở đó không phải chỉ như một sự tinh cở hay một sự góp mặt tất yếu mà là sự lựa chọn đầy dụng ý của người viết. Qua việc sử dụng từ láy, tất cả các cây bút nói trên vừa thể hiện vốn từ vựng phong phú, vừa chứng tỏ khả năng vận dụng linh hoạt, tài tình trong từng hoàn cảnh và vẫn phù hợp với phong cách riêng của từng người. Nhờ việc vận dụng khéo léo ấy mà nội dung yêu nước được bộc lộ một cách thuyết phục và đầy tính nghệ thuật, giúp cho tác phẩm của họ vượt qua khỏi ranh giới những sáng tác cổ động nhất thời. Có thể nói không quá rằng, nỗ lực đó của họ đã làm đẹp thêm tiếng Việt, làm cho văn chương của họ thực sự là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ dành tặng cho người đọc.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng, Phê (chủ biên). 1992. *Từ điển tiếng Việt*. Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ. Hà Nội.
- Hoàng, Văn Hành (chủ biên). 1995. *Từ điển từ láy tiếng Việt*, NXB Giáo dục. Hà Nội.
- Nguyễn, Thị Hạnh. 2013. "Từ láy trong truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng", Luận văn Thạc sĩ, Đại học Cần Thơ.
- Nguyễn, Thị Mẫn Vy. 2012. "Các lớp từ vựng giàu sắc thái tu từ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tu", *Tuyển tập Báo cáo Hội nghị Sinh viên Nghiên cứu khoa học lần thứ 8*, Đại học Đà Nẵng.
- Nhiều tác giả. 1997. *Tuyển tập truyện ngắn Việt*, NXB Trẻ, TP.HCM.
- Trần, Hữu Tá. 2000. *Nhìn lại một chặng đường văn học*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, TP.HCM.
- Trần, Thức (chủ biên). 2005. *Viết trên đường tranh đấu*. NXB Thuận Hóa, Huế.
- Trương, Thị Nhân. 2011. "Bàn thêm về vấn đề nhận diện từ láy tiếng Việt", *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Ngữ học toàn quốc năm 2011*, 21-23/4/2011, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam phối hợp với Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng tổ chức.

Trường Đại học Trà Vinh

TẠP CHÍ KHOA HỌC

Số 19, tháng 9 năm 2015
126, Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, Phường 5, Thành phố Trà Vinh,
tỉnh Trà Vinh

Email: banbientaptckh@tvu.edu.vn

Website: tckh.tvu.edu.vn